

VẤN ĐỀ NGƯỜI NÔNG DÂN TRONG CÁCH NHÌN CỦA NAM CAO

Phạm Phú Ty

Khoa Tiếng Việt

Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội

Trong “*Đôi mắt*”, viết năm 1948, năm giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong cuộc đời nhà văn, Nam Cao đã mượn lời Hoàng thổ lộ, đại ý: đối với ông, càng gắn bó với nhân dân, đặc biệt là nông dân (mà ông gọi là “*người nhà quê*”) ông càng thấy đối tượng này có nhiều điều thú vị, nhiều cái lạ, có những cái tưởng như đã hiểu họ rồi nhưng té ra lại là không phải. “*Người nhà quê*” luôn luôn là những “*bất ngờ*” đối với ông.

Điều này vừa mới, vừa không nằm ngoài mạch vốn có ở Nam Cao từ trước. Không nhìn đời một cách giản đơn, không nhìn con người một cách cô lập khỏi xã hội, nhưng cũng không chỉ nhìn con người ở khía cạnh này, theo ông, con người nói chung “*chừng nào còn phải giật của người từng miếng ăn thì mới có ăn, chừng nào một số người còn phải giã lên đầu những người kia để nhô lên, thì loài người còn phải xấu xa, bị ối, tàn nhẫn và ích kỷ. Chát độc ở ngay sự sống*” và cần “*phải có những phương sách để xoay ngược lại*”. Rõ ràng cách nhìn của Nam Cao về con người ở đây bao quát hơn, có tầm vóc hơn là đánh giá một con người cụ thể. Ông nói đến con người, nói đến sự thay đổi cần phải có ở tâm vĩ mô chứ không phải chỉ ở một làng nào đó, phủ nhận một cá nhân A hay B nào đó, cho dù phần lớn truyện của ông đều gắn với những địa danh nhất định.

Vậy hình ảnh người nông dân trong truyện của Nam Cao được thể hiện như thế nào? Nó có gì giống và khác với những anh Pha, chị Dậu, những nhân vật khác của văn xuôi, Tự Lực văn đoàn?

Giáo sư Phong Lê đã có lý khi cho rằng: *Nam Cao không viết gì khác ngoài cái làng Vũ Đại quê ông* [1]. Hầu như mọi góc ngách của làng quê này, mọi kiểu người của vùng quê này đều không lọt qua mắt ông, đều là một phần của hiện thực mà ông phản ánh. Chỉ có điều Nam Cao có cách tiếp cận hiện thực khác với những người đi trước, những người cùng thời. Trước Nam Cao gần một thập niên, các tác giả *Tự Lực văn đoàn* khi viết về nông dân và nông thôn đã gây được sự chú ý của công chúng không phải vì họ đã đụng chạm được đến phần sâu nhất của hiện thực, đã viết được về những *số phận* của người nông dân vừa mang ý nghĩa phổ quát, vừa có cái độc đáo riêng biệt cho dù nhiều vấn đề họ nêu ra có ý nghĩa rất lớn đối với xã hội và với văn học. Cùng thời với Nam Cao và trước và sau ông một chút, các cây bút nổi tiếng về nông thôn như Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Kim Lân, Bùi Hiển, ... vẫn mới chỉ viết về nông thôn ở những sự kiện, vấn đề dễ nhận thấy, ở những mảng hiện thực nghiêng về phần phong tục tập quán hơn là ở bình diện con người. Độc đáo đến như Nguyễn Công Hoan mà cái quan niệm mọi chuyện đều chỉ

là giả dối, đáng cười đã làm hạn chế khá nhiều giá trị tài năng của ông. Còn Vũ Trọng Phụng một khi đã cho rằng “Đời... chỉ có toàn những chuyện vô nghĩa lý” (*Tết cụ cố* - Tiểu thuyết thứ 7, số 247, 1939), xung quanh ông toàn “lúc nhúc những bầy chó đẩu” thì dù có cố tình làm ngơ vẫn không chỉ không nhận thấy tính thiếu hoàn hảo của quan niệm này. Định kiến (hay phiến diện) đã làm cho sự đánh giá thiếu công bằng đi rồi.

Nam Cao có cách tiếp cận khác. Ông tư duy về hiện thực với đầu óc phân tích, đánh giá, mổ xẻ, tổng hợp các vấn đề, các hiện tượng để tìm chân lý chứ không đơn giản. Trong *Lão Hạc*, ông viết: “chao ôi, đời với những người ở quanh ta, nêu ta không cố tìm mà hiểu họ thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; Không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; Không bao giờ ta thương...”. Còn ở *Tư cách mõ* lại là một tổng kết vì cuộc đời sau khi đã trải qua rất nhiều chiêm nghiệm khác: “Thì ra lòng khinh, trọng của chúng ta có ảnh hưởng đến nhân cách của người khác nhiều lắm; nhiều người không biết gì là tự trọng, chỉ vì không được ai trọng cả, làm nhục người ta là một cách rất diệu để khiến người sinh đê tiện”... Từ hai trích dẫn trên đây có thể thấy rằng, với cách tư duy như vậy về cuộc sống, con người, thói đời... tất yếu nhân vật của Nam Cao sẽ không giản đơn, hiện thực mà Nam Cao phản ánh sẽ không đơn điệu một chiều.

Chỉ xét về các kiểu người trong mảng truyện về nông thôn và nông dân ở Nam Cao sẽ thấy điều này: Hầu như vắng bóng hẳn loại phụ nữ kiểu Chị Dậu của Ngô Tất Tố, anh Pha của Nguyễn Công Hoan. Trong các trang viết của Nam Cao, ông nói tới một Di Hảo, một Thị Nở, một Trạch Văn Đoàn, một Trương Rự, một Cu Lộ, một Anh Tẻ, một Lão Hạc, một Chí Phèo v.v... nhưng rõ ràng những nhân vật này rất dễ xếp vào những nhóm nhân vật gần nhau bởi những phẩm chất này hoặc khác. Tất cả các loại người này đều có chung một quá trình: Đang bị cái đói, cái nghèo, sự o ép của hoàn cảnh mà tha hóa. Cách ứng xử khác của họ cũng khá đặc biệt: họ nhận thức hoàn cảnh xung quanh, cảnh ngộ của mình rồi lựa chọn một thái độ: bị tha hóa tham gia một cách có ý thức vào quá trình này, kiểu Lộ (*Tư cách mõ*), người cha (*Trẻ con không được ăn thịt chó*), Trạch Văn Đoàn (*Đôi móng giò*), Đức, Trương Rự (*Nửa đêm*), cả hai vợ chồng trong *Làm tổ* v.v... hoặc cố cưỡng lại quá trình bị tha hóa ấy dù bị hoàn cảnh đè bẹp như Lão Hạc hoặc Chí Phèo. Cái độc đáo ở Nam Cao khi viết về những người nông dân này bộc lộ cả ở hai phương diện: phát hiện vấn đề và xây dựng được các điển hình nghệ thuật với tài nghệ của một nghệ sĩ bậc thầy. Còn một sự độc đáo nữa ở đây là, nếu Nguyễn Công Hoan hay Ngô Tất Tố mới chỉ viết về những số phận nông dân khác nhau từ góc độ người bên vực, người bảo vệ thì Nam Cao nói về họ như nói về chính giới mình, chuyện của giới mình. Chính điểm xuất phát này đã làm tiền đề cho những phát hiện mới của Nam Cao. Điều này không hề ngẫu nhiên. Ở *Trăng sáng*, Nam Cao đã để cho

nhân vật - nhà văn Điền giấu cốt văn học lãng mạn là thứ văn chương “nhàn rỗi” của một bọn người “nhàn rỗi quá”. Sự lựa chọn của Điền dứt khoát nhưng hơi đơn giản (không ít lần Nam Cao đã nói “cuộc đời vốn không phải như vậy”). Điền cho là “cứ đứng trong lao khổ mà viết”, nhà văn chỉ cần “mở lòng ra” đón lấy “những vang động của đời” là đã có thể yên lòng với sự lựa chọn này (!). Điền ngồi viết giữa những xiềng xích của đời sống mà thấy lòng thanh thản vì “đã có hướng rỗi”. Có lẽ đó chỉ là khúc dạo đầu vì trong *Nước mắt*, *Đời thừa*, *Mua nhà*, sự lựa chọn vật vờ, đau đớn hơn nhiều. Điều muốn nói thêm ở đây là những trần trở, tìm kiếm của Nam Cao đã được chuyển hóa vào hình tượng nghệ thuật nhuần nhuyễn.

Có không ít người đã nghĩ rằng: Nam Cao không nhìn thấy con đường giải thoát cho người nông dân và đánh giá chưa đúng sức mạnh nông dân. Nói như vậy thật khó bắt bẻ nhưng vấn đề lại là ở chỗ: mức độ của những kết luận ấy như thế nào cho thỏa đáng. Ở *Điều văn*, năm 1943, Nam Cao đã viết ra những suy nghĩ lạc quan về một hoàn cảnh thật bi đát: “Sự đời không thể cứ mù tịt mãi thế này đâu. Tương lai phải sáng sủa hơn. Một rạng đông đã báo rồi. Một mặt trời mới sẽ mọc lên bên trên nắm mồ anh và trên hai đầu đứa con anh để lại. Một bàn tay bè bạn sẽ nắm lấy bàn tay chúng và dắt chúng cùng đi tới một cuộc đời đẹp hơn”. Khó có thể gán cho những suy nghĩ này một nội dung gì đó cụ thể, tích cực hơn nhưng cũng không thể không nhận thấy một cái gì đó mới mẻ đã xuất hiện ở Nam Cao. Điều này rất quan trọng.

Xét cho cùng thì mọi kết thúc truyện Nam Cao đều rất bi đát: Chí Phèo tự sát, Lão Hạc tự sát, Lộ ngày càng lún sâu vào vũng bùn nhơ nhớp của việc đánh mất mình, anh Cu Bịch cũng khóc đổ, mếu đổ vì chuyện mua danh, Thị Nở không biết tương lai mình sẽ ra sao, Di Hảo ngày càng cam chịu hơn... Vậy phải chăng Nam Cao bi quan là có thật? Nam Cao nghĩ rằng cái vòng kim cô đã siết vào đầu người nông dân là có thật và dù có giãy giụa thế nào cũng không thoát ra được v.v. Xin lấy cái kết của kiệt tác *Chí Phèo* làm tư liệu để lý giải vấn đề này.

Bá Kiến và Chí Phèo đều chết. “Cả làng Vũ Đại nhao lên... Có nhiều kẻ mừng thầm. Không thiếu kẻ mừng ra mặt. Có người nói xa xôi: “Trời có mắt đấy, anh em ạ”. Người khác thì nói toạc ra: “Thằng nào chứ hai thằng ấy chết thì không ai tiếc! Rõ thật bọn chúng giết nhau, nào phải cần đến tay người khác đâu!”. Mừng nhất là bọn kỳ hào trong làng... Bọn đàn em thì bàn nhỏ: “Thằng một già ấy chết, anh em mình ăn mừng”. Những người biết điều thì ngờ vực, họ chép miệng nói: “Tre già măng mọc, thằng ấy chết còn thằng khác, chúng mình cũng chẳng lợi tí gì đâu”. Một đoạn tả rất ngắn, dường như chỉ phác họa vài nét sơ sài nhân một sự kiện đã xong đã mở ra bao nhiêu vấn đề, bao nhiêu thái độ, bao nhiêu loại người. Rõ ràng hiện thực đã được chất lọc và khái quát qua một vài dòng tả, vài mẫu đối thoại tưởng chừng vu vơ. Không am hiểu thật sâu sắc cuộc sống thì làm sao có thể khái quát được hiện thực này: những loại người ấy, những vấn đề ấy chưa thể hay

không thể được giải quyết nếu chỉ căn cứ vào chuyện sống, chết, được thua tạm thời của nhóm này hay phe kia. Cái gốc của những vấn đề ấy, những người nông dân này chưa thể tự mình giải quyết, phạm vi vấn đề không phải chỉ thu hẹp trong một gia đình hay một làng, một xóm nào. Vấn đề đã vượt ra ngoài bản thân nó, mang tính phổ quát hơn.

Đoạn kết tác phẩm khép lại bằng tâm trạng lo ngại của Thị Nở khi nghĩ đến đoạn đường sau này. Sức gọi của nó thật lớn. Loại Chí Phèo sẽ còn nảy nòi, tồn tại và tác oai tác quái cho đồng loại. Chí Phèo đã không còn là một nông dân hay nói cho đúng hơn thì cái vỏ ngoài nông dân của Chí không bao giờ chứa nổi vấn đề *con người* mà Nam Cao muốn gửi gắm vào nhân vật này. Cái chất nông dân ở Chí hay Năm Thọ, Binh Chức, thậm chí cả Thị Nở chỉ là cái phần không chủ yếu mà Nam Cao muốn nói. Nam Cao muốn nói đến vấn đề con người. Như vậy, chuyện cái đói, miếng ăn trong các truyện ngắn truyện dài của Nam Cao đâu còn mang ý nghĩa đơn giản ấy nữa. Nó đã lớn hơn nhiều cái thân xác nó mang rồi.

Như đã nói ở trên, Nam Cao không nhìn nhận con người một cách đơn giản và người nông dân trong truyện của ông không giản đơn như anh Pha hay chị Dậu, không nhọt nhọt như văn xuôi của *Tự Lực văn đoàn*. Không hề có một nhân vật nông dân nào lại có được một gương mặt khả ái và vẻ đẹp tinh thần như chị Dậu, sạch sẽ như anh Pha... Các nhân vật nông dân của Nam Cao nếu không có một vẻ bề ngoài méo mó, xộc xệch, nhàu nát thì cũng gớm guộc, đầy vẻ đe dọa. Có nhà nghiên cứu đã coi đây như một cách khái quát hiện thực ở Nam Cao và cái chất *ngịch dị, thô kệch* này là một biểu hiện của thi pháp Nam Cao. Thực ra, trong cách viết này chứa đựng cả thế mạnh lẫn cái yếu trong thái độ tư tưởng và tình cảm của Nam Cao đối với người nông dân. Đơn cử gương mặt của "đôi lúa xứng đôi" Thị Nở - Chí Phèo để chứng minh điều đó. Nam Cao đặc tả Chí hai lần nhưng cả hai lần đều gắn với đoạn đời đã lưu manh hóa của Chí và cái vẻ dị dạng ấy đều có nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp từ cái xã hội, cái môi trường đầy tội lỗi ấy. Vì vậy, việc mô tả ấy mang ý nghĩa tố cáo và vì thế nó có giá trị nhân đạo. Trái lại, ở gương mặt Thị Nở, dù được miêu tả đặc biệt sắc sảo, đặc biệt tài hoa thì gương mặt ấy, tính cách ấy chỉ tạo ra sự ghê ghê ở người đọc. Nó như nằm ngoài cái mạch tư tưởng của tác giả, làm phương hại cho ý đồ nghệ thuật của ông.

Nam Cao bổ sung thêm cho chủ nghĩa hiện thực một số đặc điểm mới ở vào một hoàn cảnh đặc thù. Sự phong phú này trong văn chương của ông có một phần đóng góp của các tiên đề lịch sử - xã hội. Song cái phần cơ bản nhất lại thuộc về cá tính sáng tạo độc đáo của ông. Và người nông dân trong các trang viết của Nam Cao có một dấu ấn đặc biệt cũng là vì thế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phong Lê. *Văn học trên hành trình của thế kỷ XX*. Nxb Đại học Quốc gia, H., 1997.

- [2] Hà Minh Đức. *Nam Cao nhà văn hiện thực xuất sắc*. Nxb Văn hóa, 1961.
[3] Nhiều tác giả. *Nghĩ tiếp về Nam Cao*. Nxb Hội Nhà văn, H 1992.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, SOC. SCI., LXV, N°5, 1999

THE VIETNAMESE RURAL AREAS AND PEOPLE IN NAMCAO'S WORKS

Pham Phu Ty

*Faculty of Vietnamese Language and Culture for Foreigners
College of Social Sciences & Humanities - VNU*

Nam Cao was the most excellent realist of Vietnam before 1945. The theme of Vietnamese rural areas and people played an important role in his works. The rural people in Nam Cao's works were not similar to those in other realists, such as: Nguyen Cong Hoan, Ngo Tat To, Vu Trong Phung..., and more different from those in 'Tu luc van doan' period.

The writing shows this difference and also proves the features of Nam Cao's versification in his short stories.